

Ngày soạn: 3/2026

Giáo viên : Huỳnh Thị Thu

Tổ : Sử- Địa- KTPL

Tiết :38,39,40,41

## BÀI 13. MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐẠI VIỆT

### I. MỤC TIÊU

Thông qua bài học, giúp HS:

#### 1. Về kiến thức

- Phân tích được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt.
- Nêu được ý nghĩa quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.

#### 2. Về năng lực

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt.
- Vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam.

#### 3. Về phẩm chất

- Tự hào và trân trọng giá trị của văn minh Đại Việt, bồi đắp lòng yêu nước.
- Có trách nhiệm gìn giữ, phát huy giá trị và quảng bá văn minh Đại Việt.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Giáo viên

- Giáo án: Biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS
- *Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.*
- Một số hình ảnh được phóng to, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

#### 2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### 1. Khởi động

**a. Mục tiêu:** Kích thích tư duy của học sinh trong bài học, tạo hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về các quốc gia cổ trên đất nước Việt Nam.

**b. Nội dung:** GV chiếu các hình ảnh về thành tựu văn minh Đại Việt

**c. Sản phẩm:** Học sinh sẽ quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đặt câu hỏi: Các hình ảnh 1 khiến các em liên tưởng đến nền văn minh nước Việt Nam thời kỳ nào? Em hãy chia sẻ một vài hiểu biết của mình về các thành tựu đó?. Sau đó HS trả lời, GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các hình ảnh trên tượng trưng cho nền phong kiến độc lập hay còn gọi là nền văn minh Đại Việt. Để hiểu rõ hơn và biết được những thành tựu cơ bản của văn minh Đại Việt thì hôm nay chúng ta qua bài 13.

#### 2. Hình thành kiến thức mới

##### Hoạt động 1: Tìm hiểu thành tựu cơ bản

###### a. Mục tiêu:

- Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt.
- Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.

**b. Nội dung:** Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận nhóm với nhau

**c. sản phẩm:** HS giải thích được khái niệm, nêu và phân tích được thông qua các ví dụ cụ thể về cơ sở hình thành văn minh Đại Việt.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 3: Tìm hiểu về những thành tựu tiêu biểu**

**a. Mục tiêu:** - Nêu được các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt

**b. Nội dung:** Học sinh nghiên cứu SGK và thảo luận nhóm để trình bày

**c. sản phẩm:** HS lên bảng trình bày bằng trình chiếu hoặc trình bày bảng nhiệm vụ GV giao

**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
<p><b>Bước 1:</b> chuyên giao nhiệm vụ GV chia cả lớp thành 4 nhóm Nhóm 1: Tìm hiểu chính trị- kinh tế Nhóm 2: Tìm hiểu về các tín ngưỡng, tư tưởng tôn giáo Nhóm 3: Tìm hiểu về GD, khoa cử, chữ viết, văn học Nhóm 4: Tìm hiểu về nghệ thuật và KHKT</p> <p><b>Bước 2:</b> thực hiện nhiệm vụ HS đã chuẩn bị sẵn ở nhà lên trình bày ở bảng</p> <p><b>Bước 3:</b> Báo cáo kết quả hoạt động -HS lên bảng và thuyết trình trên bảng</p> <p><b>Bước 4:</b> đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh - GV nhận xét và trình bày chốt ý</p>	<p><b>1. Thành tựu cơ bản</b></p> <p><b>a. Chính trị</b></p> <p>* <b>Tổ chức bộ máy nhà nước</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các vương triều Đinh- Tiền Lê học theo thiết chế của Trung Quốc, thời Lý-Trần hoàn thiện, đến thời Lê sơ đạt đến đỉnh cao.</li> <li>- có 3 cuộc cải cách lớn: Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng</li> </ul> <p>* <b>Luật pháp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 4 bộ luật nổi tiếng: Hình thư (Lý), Hình luật (Trần), Quốc triều hình luật ( Lê sơ), Hoàng triều luật lệ ( Nguyễn)</li> </ul> <p><b>b. Kinh tế</b></p> <p>* <b>Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nông nghiệp lúa nước và văn hoá làng xã là đặc trưng.</li> <li>- Công cuộc khai khẩn đất hoang và áp dụng các kỹ thuật ngày càng phát triển.</li> </ul> <p>* <b>Thủ công nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển mạnh: dệt, gốm, luyện kim, chạm khắc....</li> <li>- Các xưởng thủ công của nhà nước (Cục Bách tác) sản xuất độc quyền của triều đình: tiền, vũ khí, trang phục...</li> <li>- Thợ thủ công từ nhiều làng buôn ra các đô thị để buôn bán</li> </ul> <p>* <b>Thương nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời Tiền Lê bắt đầu có tiền riêng</li> <li>- Thời Lý: lập trang Vân Đồn (Q.Ninh) để giao lưu buôn bán với nước ngoài, đến thế kỷ XV nhiều cảng buôn do nhà nước quản lý</li> <li>- Từ thế kỷ XVI, các công ti ở phương Tây đã đến đây buôn bán khắp cả nước</li> </ul> <p><b>c. Tư tưởng, tôn giáo</b></p> <p>* <b>Tư tưởng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nho giáo: du nhập thời Bắc thuộc, thời Lý là triều đại đầu tiên thi cử Nho giáo để tuyển chọn quan lại. Thời Lê Sơ, nho giáo độc tôn.</li> <li>- Phật giáo: Du nhập từ đầu công nguyên, gắn liền sự hình thành và phát triển cùng dân tộc.</li> <li>- Đạo giáo: Xuất hiện ở vị trí nhất định trong xã hội</li> <li>- <i>Sự du nhập Công giáo:</i> Từ năm 1533 các giáo sĩ phương Tây bắt đầu truyền đạo vào nước ta.</li> </ul> <p><b>d. Giáo dục</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nền khoa cử bắt đầu thời Lý, quy củ ở thời Trần và phát triển ở thời Lê Sơ</li> </ul>

	<p>- Một số người nổi tiếng: Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, Lê Quý Đôn...</p> <p><b>e. Văn học</b></p> <p>* Chữ viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ Hán được sử dụng rộng rãi</li> <li>- chữ Nôm được sử dụng rộng rãi từ thế kỷ XIII</li> <li>- Chữ Quốc Ngữ xuất hiện từ thế kỷ XVII</li> </ul> <p>* Văn học: Văn học dân gian ngày càng phát triển, phản ánh đời sống xã hội, đúc kết kinh nghiệm và răn dạy.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn học viết chủ yếu là chữ Hán, Nôm thông qua nhiều thể loại: Hịch, Cáo,.. thể hiện tinh thần yêu nước.</li> </ul> <p><b>g. Nghệ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Kiến trúc: thành tựu tiêu biểu về kinh thành, bên cạnh đó còn có: đình, chùa, miếu, đền... xây dựng khắp cả nước.</li> <li>* Điêu khắc: Đạt trình độ cao thể hiện qua tác phẩm chạm khắc trên các công trình kiến trúc, điêu khắc tượng...</li> <li>* Tranh dân gian: Tranh thờ và tranh chơi Tết.</li> <li>* Nghệ thuật biểu diễn: biểu diễn cung đình và biểu diễn dân gian.</li> </ul> <p><b>h. Khoa học, kỹ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Sử học: Đại việt sử ký toàn thư, Đại việt sử ký, Đại Nam thực lục...</li> <li>* Địa lí: Dư địa chí, Gia Định thành thông chí, Hồng Đức bản đồ...</li> <li>* Toán học: Đại thành toán pháp, Lập thành toán pháp</li> <li>* Quân Sự: Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp bí truyền thư....</li> <li>* Y học: Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông....</li> </ul>
--	--

#### Hoạt động 4: Tìm hiểu về ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam

##### a. Mục tiêu:

- Phân tích được ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt.
- Phân tích ý nghĩa văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam.

##### b. Nội dung: Học sinh nghiên cứu SGK và trả lời câu hỏi

##### c. sản phẩm: HS nêu phân tích được ưu điểm và hạn chế, ý nghĩa của văn minh Đại Việt.

##### d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
<p><b>Bước 1:</b> chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV đặt câu hỏi: ? Em hãy nêu ưu điểm và hạn chế của văn minh Đại Việt?</p> <p>? Nêu ý nghĩa của văn minh Đại Việt?</p> <p><b>Bước 2:</b> thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS sẽ thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi</p> <p><b>Bước 3:</b> Báo cáo kết quả hoạt động</p> <p>-HS đứng dậy trả lời câu hỏi</p> <p><b>Bước 4:</b> đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS phân tích, nhận xét đánh giá những kết quả của học sinh</p> <p>-GV nhận xét và trình bày chốt ý</p>	<p><b>4. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam</b></p> <p><b>a. Ưu điểm và hạn chế</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Ưu điểm: - Chú trọng phát triển nông nghiệp.</li> <li>- Sống thành làng xã gia tăng tinh thần cố kết cộng đồng.</li> <li>- Nho giáo được đề cao nên ổn định được đất nước.</li> <li>* Hạn chế: - Thương nghiệp hạn chế ở một số triều đại, ít có phát minh KHKT</li> <li>- Việc sống thành làng làm hạn chế động lực phát triển, sáng tạo của xã</li> </ul>

	<p>hội và từng cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nho giáo cũng hạn chế là sự bảo thủ, chậm cải cách nên dễ bị phương Tây xâm nhập vào</li> </ul> <p><b>b. Ý nghĩa:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẳng định tinh thần quật khởi và sức lao động sáng tạo của nhân dân ta</li> <li>- Những thành tựu chính là sự minh chứng cho sự phát triển vượt bậc trên các lĩnh vực.</li> <li>- Những thành tựu đó là tạo dựng nên bản lĩnh và bản sắc riêng cho dân tộc Việt Nam.</li> </ul>
--	--

### 3. Hoạt động luyện tập

**a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học ở bài này

**b. Nội dung:** GV tổ chức luyện tập cho hs qua hệ thống câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**d. tổ chức thực hiện:**

**Câu 1:** Nhận xét nào sau đây là **không** đúng khi nói về tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến thời Đinh-Tiền lê?

A. Tổ chức theo mô hình quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

**B. Bộ máy nhà nước được hoàn thiện, chặt chẽ, tính chuyên chế cao.**

C. Đặt cơ sở cho sự hoàn chỉnh bộ máy nhà nước ở giai đoạn sau.

D. Tổ chức còn đơn giản nhưng đã thể hiện ý thức độc lập, tự chủ.

**Câu 2:** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa sự ra đời các làng nghề thủ công truyền thống ở Đại Việt?

**A. Nâng cao năng lực cạnh tranh với các xưởng thủ công của nhà nước.**

B. Sản xuất được chuyên môn hóa, sản phẩm có chất lượng cao hơn.

C. Sản phẩm mang nét độc đáo, gây dựng thành thương hiệu nổi tiếng.

D. Góp phần quan trọng thúc đẩy thương nghiệp Đại Việt phát triển.

**Câu 3:** Cải cách hành chính của vua Minh Mạng (1831 – 1832) và vua Lê Thánh Tông (vào những năm 60 của thế kỷ XV) có điểm chung nào sau đây?

A. Điều chia nước ta thành nhiều tỉnh để thuận lợi trong việc quản lý.

**B. Nhằm củng cố và hoàn thiện bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế.**

C. Không lập Hoàng hậu và không phong tước Vương cho người ngoài họ.

D. Bãi bỏ cấp trung gian, không lập Tể tướng và không lấy đỗ Trạng nguyên.

**Câu 4:** Trong tiến trình phát triển của lịch sử của dân tộc Việt Nam, nền văn minh Đại Việt **không** mang ý nghĩa nào sau đây?

A. Thể hiện tinh thần quật khởi và sức lao động sáng tạo của nhân dân.

B. Chứng minh sự phát triển của dân tộc Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.

C. Góp phần tạo nên sức mạnh dân tộc chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập.

**D. Là nền tảng để Việt Nam sánh ngang với các cường quốc trên thế giới.**

**Câu 5:** Nhận xét nào sau đây là **đúng** khi nói về đặc điểm của nền văn minh Đại Việt?

**A. Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, phong phú, mang đậm tính dân tộc.**

B. Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, lâu đời và có tính dân chủ.

C. Là sự kết hợp hoàn toàn giữa văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ.

D. Thiết chế chính trị của các triều đại phong kiến đều mang tính dân chủ.

**Câu 6:** Việc đề cao Nho giáo của các nhà nước phong kiến Đại Việt **không** dẫn đến hệ quả nào sau đây?

A. Giữ ổn định trật tự kỷ cương của nhà nước phong kiến.

B. Tạo ra sự bảo thủ, chậm cải cách trước những biến đổi xã hội.

C. Nguy cơ tụt hậu, đứng trước sự xâm lược của thực dân phương Tây.

**D. Tạo điều kiện giao lưu giữa các tôn giáo, làm đậm đà bản sắc dân tộc.**

**Câu 7:** Nhận xét nào sau đây là **đúng** khi nói về đặc điểm của nền văn minh Đại Việt?

A. Không có nguồn gốc bản địa mà du nhập từ bên ngoài vào.

**B. Là nền văn minh nông nghiệp lúa nước gắn với văn hóa làng xã.**

C. Là nền văn minh phát triển rực rỡ nhất khu vực Đông Nam Á.

D. Trong kỷ nguyên Đại Việt, mọi lĩnh vực kinh tế đều phát triển.

#### 4. Hoạt động vận dụng

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và tự học lịch sử.

**b. Nội dung:** GV giao cho HS làm nhóm ở nhà

**c. Sản phẩm:** làm một video ngắn giới thiệu về một thành tựu mà em yêu thích ( làm nhóm 4-6 người hoặc tự cá nhân)